

Số: 35 /BC-CCTTBVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 03 tháng 01 năm 2024 đến ngày 09 tháng 01 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, ngày nắng, đêm có mưa rào vài nơi. Gió đông bắc đến đông cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 22°C - 25°C, nhiệt độ cao nhất từ 31°C - 34°C.

Dự báo tuần tới: Chiều tối và đêm có mưa rào vài nơi, ngày nắng. Nhiệt độ trung bình từ: 26,5°C - 27,5°C. Giá trị tổng lượng mưa <5 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ Đông xuân 2023 - 2024		Vụ Mùa 2023	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Mạ	920,0	Mạ	-
Đẻ nhánh	2.950,0	Đẻ nhánh	-
Làm đòng	137,0	Làm đòng	-
Trổ	13,0	Trổ	447,0
Chín	6,0	Chín	832,0
Thu hoạch	49,0	Thu hoạch	3.461,2
Tổng	4.075,0	Tổng	4.740,2

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024		4.626,6	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	2.268
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.175,2	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	305
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	785
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	410,3	3. Cây lương thực		247,6
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	333,4	Bắp	Sinh trưởng	218,3
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	169,6	Khoai mì	Sinh trưởng	27,2
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	139,6	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.460,8
- RMN	Nhiều giai đoạn	1.303,2			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn						
			02/01	02/01	03/01	04/01	05/01	06/01	07/01
1	Củ Chi	Thái Mỹ	71	67	54	46	5	48	38
		Trung Lập Thượng	40	36	30	33	27	30	24

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Mùa 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	OBV	3-10			Các giai đoạn	BC,BT
2	Chuột	3			Các giai đoạn	BC
3	Đạo ôn	3-10%			1-3	BC,BT

b) Trên cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	HM
2	Bọ trĩ	3-5			1-5	CC, HM
3	Sâu phao	1-5			1-5	CC, HM
4	OBV	3-10			Các giai đoạn	TĐ, CC, HM
5	Chuột	3			Các giai đoạn	CC
6	Đạo ôn	3-10%			1-3	HM, CC
7	Đóm vằn	3-5%			1-3	CC

c) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, BC, BT, CC
3	Sâu tơ	3-12			1-5	HM, Q12, BC, BT, TĐ
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	HM, Q12, BC, BT, CC, TĐ
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	BC, CC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	BC, HM, CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM, Q12, TĐ
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC, CC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12,BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM,Q12,BC
18	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ,HM,Q12,BC,BT,CC
19	Đốm lá	2-5			1-3	BC,HM,Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ,HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa

- **Vụ Mùa 2023:** Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 85,0 ha, giảm 38,0 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Bình Chánh. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Chuột và bệnh đạo ôn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

+ Chuột: Diện tích nhiễm 55,0 ha, giảm 24,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Bình Chánh.

+ Bệnh đạo ôn: Diện tích nhiễm 23,0 ha, giảm 7,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Bình Chánh.

- **Cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024:** Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 1.003,2 ha, tăng 76,8 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi, Hóc Môn. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Bọ trĩ, sâu phao, ốc brou vàng và chuột. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

+ Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 128,9 ha, tăng 2,9 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

+ Sâu phao: Diện tích nhiễm 54,5 ha, tăng 6,4 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

+ Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 715,1 ha, tăng 50,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi.

+ Chuột: Diện tích nhiễm 81,0 ha, tăng 2,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024 trong tuần qua 555,4 ha, tăng 12,0 ha so với tuần trước. Trong đó diện tích phòng trừ là 332,6 lượt ha chiếm 59,9% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, dòi đục lá, bọ nhảy, rầy xám, ốc brou vàng, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích 103,0 ha, tăng 4,9 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12.

- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 57,2 ha, tăng 1,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh.

- Bộ nhậy: Diện tích nhiễm 18,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- Dòi đục lá: Diện tích nhiễm 21,4 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Rầy xám: Diện tích nhiễm 16,7 ha, tăng 1,8 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12.

- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 208,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh rỉ trắng: Diện tích 26,9 ha, tăng 0,8 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh thối nhũn: Diện tích 8,0 ha giảm 0,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

c) Cây hoa kiểng

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại là 33,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (56,9 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 31,4 ha chiếm 92,6% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Cây hoa lan: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 15,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (12,5 ha).

- Cây hoa mai: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 17,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (43,7 ha).

- Cây hoa khác: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước (0,7 ha).

d) Cây trồng khác

- Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

- Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.

- Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Rầy nâu: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến ở giai đoạn tuổi 2 - tuổi 3 với mật số thấp. Khuyến cáo nông dân thăm đồng cần vạch gốc lúa quan sát kỹ, khi thấy rầy tuổi 2 - 3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/dảnh) có thể sử dụng một trong các thuốc bảo vệ thực vật chống lột xác nằm trong danh mục thuốc được sử dụng ở Việt Nam để phun trừ. Khuyến cáo không phun ngừa rầy nâu, đặc biệt với các trà lúa <40 ngày sau sạ để bảo vệ nguồn thiên địch sẵn có trên đồng và tránh dịch hại bộc phát vào giai đoạn sau.

- Chú ý bệnh đạo ôn gây hại trên lúa giai đoạn đẻ nhánh, bệnh đạo ôn cổ bông trên lúa giai đoạn trổ - chín. Khuyến cáo chủ động phun ngừa bệnh trên các ruộng trồng giống nhiễm, gieo sạ dày, bón thừa phân đạm để ngăn ngừa bệnh lây lan trên diện rộng.

- Chú ý ốc bươu vàng gây hại trên lúa mới xuống giống <15 ngày sau sạ; bọ trĩ, sâu phao trên trà lúa giai đoạn mạ - đẻ nhánh; sâu cuốn lá nhỏ giai đoạn đẻ nhánh - đòng; chuột gây hại trên lúa giai đoạn đòng trổ - chín.

- Các đối tượng khác xuất hiện gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gi trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- Cây hoa lan: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- Cây hoa mai: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

d) Cây trồng khác

Trên cây dừa cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen. Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng và tình hình sản xuất cây trồng vụ Đông xuân 2023 - 2024.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành trong Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP. Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ MÙA NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số: **35**/BC-CCTTBVTV, ngày **11** tháng **01** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố	
		Nhẹ-Tb	Nặng		Kỳ trước	CKNT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Cào cáo					7			-
2	Đạo ôn	23,0			23,0	30			BC,BT
3	OBV	7,0			7,0	7			BC
4	Chuồn	55,0			55,0	79			BC,BT
	Tổng	85,0			85,0	123,0			

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2023 - 2024
(Kèm theo Báo cáo số: 35/BC-CCTTBTV, ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	7,4			7,4	7,1	35,8		HM
2	Bọ trĩ	128,9			128,9	126	6,3		CC, HM
3	Sâu phao	54,5			54,5	48,1	99,9		CC, HM
4	Đạo ôn	9,3			9,3	1,1	52,8		HM, CC
5	Đốm vằn	7			7	-	39		CC
6	OBV	715,1			715,1	665,1	802		TĐ, CC, HM
7	Chuột	81			81	79	107		CC
	Tổng	1.003,2			1.003,2	926,4	1.142,8		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục III

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: 35/BC-CCTTBVTV, ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	18,6			18,6	18,6	24,6	13,0	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	57,2			57,2	55,9	52,4	38,2	HM, Q12, BC, BT, CC
3	Sâu tơ	13,8			13,8	15,6	14,2	8,8	HM, Q12, BC, BT, TD
4	Dòi đục lá	21,4			21,4	21,4	11,4	10,2	HM, CC
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,7	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	103,0			103,0	98,1	104,8	67,5	HM, Q12, BC, BT, CC
7	Bọ trĩ	15,6			15,6	15,6	12,8	9,6	BC, CC
8	Rầy mềm	1,0			1,0	1,0	1,1	0,9	BC, BT
9	Rầy xanh	21,7			21,7	16,9	13,1	12,5	BC, HM, CC
10	Rầy xám	16,7			16,7	14,9	25,6	9,5	HM, Q12, TD
11	Bọ phấn	9,0			9,0	9,0		6,0	CC
12	Sâu đục đọt	0,7			0,7	0,7	1,1	0,7	BC
13	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	4,0		TD
14	Ruồi đục trái	15,6			15,6	15,6	7,3	10,6	BC, CC
15	OBV	208,6			208,6	208,6	208,5	110,1	TD, HM, Q12
16	Ốc sên	0,60			0,60	0,6	0,60	0,5	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	8,0			8,0	7,9	12,6	5,3	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	26,9			26,9	26,1	33,6	20,1	TD, HM, Q12, BC, BT, CC
19	Đóm lá	4,5			4,5	4,4	8,3	3,3	BC, HM, Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	0,6			0,6	0,6	2,2	0,4	HM
21	Vàng lá	6,1			6,1	6,1	6,6	3,6	TD, HM
	Tổng	555,4			555,4	543,4	546,5	332,6	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục IV

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIỀNG

(Kèm theo Báo cáo số: **35** /BC-CCTTBVTV, ngày **11** tháng **01** năm 2024 của Chi cục TTBBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố	
		Nhẹ-Tb (3)	Nặng (4)		MT (5)	Kỳ trước (7)			CKNT (8)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Hoa lan	15,8			15,8	16,0	12,5	15,1	
1	Muối hại bông	5,6			5,6	5,7	6,1	5,5	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT,CG,Q7
2	Nhện đỏ	0,3			0,3	0,3	0,2	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	CC,BC
4	Bọ trĩ	0,8			0,8	0,8	0,6	0,7	CC,BC
5	Ốc sên	0,3			0,3	0,4	0,2	0,3	TĐ,CG
6	Đóm lá	3,8			3,8	4,0	3,1	3,6	TĐ, HM,Q12, CC,CG,Q7
7	Khô đầu lá	1,9			1,9	1,7	0,2	1,9	TĐ,CG,Q7
8	Thối nhũn	1,3			1,3	1,3	0,9	1,1	CC,BC,CG,Q7
9	Đốm đen	0,5			0,5	0,5	0,4	0,3	CC
10	Vàng lá	0,7			0,7	0,7	0,6	0,7	BC
11	Bọ cánh cứng	0,2			0,2	0,2	0,1	0,2	BC
12	Rêu xanh	0,4			0,4	0,5	0,1	0,4	TĐ
II	Hoa mai	17,4			17,4	18,9	43,7	15,7	
1	Nhện đỏ	1,8			1,8	2,1	4,6	1,8	TĐ,HM,Q12,CC,CG
2	Sâu ăn lá	5,6			5,6	6,8	12,9	5,6	TĐ,HM,Q12,CC,BC,CG
3	Bọ trĩ	2,4			2,4	3,0	6,9	2,4	TĐ,HM,Q12,CC,CG,BC
4	Rệp vảy	0,2			0,2	0,2	-	0,2	HM,Q12
5	Rầy xanh	1,5			1,5	1,5		1,5	BC
6	Cháy lá	2,8			2,8	2,3	3,2	2,6	TĐ,CC
7	Mốc cam	0,4			0,4	0,4	0,4	0,4	CG
8	Nấm hồng	1,2			1,2	1,2	0,3	1,2	BC,BT
9	Rong rêu	1,5			1,5	1,5	15,0	-	TĐ
III	Cây hoa khác	0,7			0,7	0,7	10,0	1,5	TĐ,CC,BC,BT,CG
	Tổng cộng	33,9			33,9	35,6	56,9	31,4	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT